TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2024
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Huận

2. Ông Tưởng Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng H; địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H; địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2024, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 08/11/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung

đầm ấm, hạnh phúc. Đến năm 2014 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau dẫn đến đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Hiện tại chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu nên tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được vì vậy kiên quyết xin ly hôn với anh H để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung: Theo chị H thì giữa vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/12/2014. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi con thành niên.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày, giữa vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải cho anh Trần Văn H nhưng anh H đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú và gia đình của anh H, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã thực hiện xử lý công văn đến, công văn đi theo quy định, đã tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho phía bị đơn anh Trần Văn H và anh H cũng đã nhận được đầy đủ các giấy tờ, văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt. Anh H mặc dù đang làm ăn, sinh sống, có mặt tại địa phương nhưng đã không đến Tòa án, không gửi bản khai, bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; đã không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt không có lý do, không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng H; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Trần Văn H; về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/12/2014 cho chị Nguyễn Thị

Hồng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 9/2024 trở đi, cho đến khi con thành niên; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu tiền án phí ly hôn và buộc anh Trần Văn H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Trần Văn H và quyền yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, anh Trần Văn H vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 08/11/2013, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn lẽ ra vợ chồng cần phải biết thương yêu, tôn trọng, chia sẽ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng giữa chị H và anh H đã không thực hiện được. Cuộc sống chung vợ chồng không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, thường bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ 2014 cho đến nay, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn. Chị H xác định thật sự không còn tình cảm gì với anh H, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng anh H được nữa mà kiên quyết xin được ly hôn.

[2.2] Đối với anh H, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập nhiều lần và mặc dù biết rõ việc Tòa án đang giải quyết việc chị H xin ly hôn anh nhưng anh H đã vắng mặt, không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án. Điều này thể hiện việc anh H không hề quan tâm, lo lắng gì đến vợ con và gia đình, không thực hiện mà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình và pháp luật.

[2.3] Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng H cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng H. Căn cứ khoản 1 Điều 51,

khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét xử cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Trần Văn H.

[3] Về quan hệ con chung:

[3.1] Giữa chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Trần Văn H có một con chung Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/12/2014. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H có nguyện vọng mong muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung vì con còn nhỏ và do chị chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời cháu Trâm cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh H đã từ lâu không sống chung cùng chị H và cháu Trâm. Do vậy, giao con chung cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[3.2] Sau ly hôn, chị H yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là có cơ sở, có căn cứ chấp nhận, do vậy, cần buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức mỗi tháng 2.000.000 đồng như vậy là phù hợp với điều kiện, tình hình, nhu cầu thực tế. Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 9/2024 trở đi, cho đến khi con thành niên.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Theo chị H thì vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu tiền án phí ly hôn; buộc anh Trần Văn H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để nộp sung vào ngân sách nhà nước

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao con chung Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Trần Văn H có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 9/2024 trở đi, cho đến khi con thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Buộc chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị H phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0002114, ngày 28/5/2024.

4.2. Buộc anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực